**Thông báo dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm của**

**các thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/3-20/4/2023**

1. **Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Quốc gia/Khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt nội dung** |
| 1 | G/SPS/N/UKR/199 | Ucraina | 20/4/2023 | Lệnh của Bộ Y tế Ucraina số 412 "Về việc phê duyệt các sửa đổi đối với các tiêu chuẩn và quy định vệ sinh để sử dụng an toàn thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp." ngày 28 tháng 2 năm 2023. | Lệnh phê duyệt các tiêu chuẩn vệ sinh và quy định về sử dụng an toàn thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp. |
| 2 | G/SPS/N/USA/3378 | Hoa Kỳ | 19/4/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu deltamethrin; Quy tắc cuối. | Quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng deltamethrin trong hoặc trên các mặt hàng nông nghiệp thô, rau, cây họ đậu, đậu, đậu, vỏ khô, trừ đậu tương, phân nhóm 6-22E và rau, đậu, đậu, đậu, vỏ khô, phân nhóm 6-22F |
| 3 | G/SPS/N/USA/3377 | Hoa Kỳ | 19/4/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu ethalfluralin; Quy tắc cuối. | Quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng ethalfluralin trong hoặc trên nhiều loại cây trồng: cây gai dầu, hạt ở mức 0,05 ppm; hành tây, củ, phân nhóm 3-07A ở mức 0,01 ppm; Cây cỏ ngọt, lá khô ở mức 0,05 ppm, lá tươi ở mức 0,05 ppm; Rau, đậu, đậu, vỏ khô, trừ đậu tương, phân nhóm 6-22E ở mức 0,05 ppm; Rau, đậu, đậu, hạt đậu, đã bóc vỏ khô, phân nhóm 6-22f ở mức 0,05 ppm; và rau, củ và sâu bọ, phân nhóm 1c ở mức 0,01 ppm. ngoài ra, các dung sai sau được loại bỏ nếu không cần thiết: đậu, khô, hạt ở mức 0,05 ppm; hạt đậu, khô, hạt ở mức 0,05 ppm; và khoai tây ở mức 0,01 ppm.Cuối cùng, EPA sẽ loại bỏ mức cho phép đối với khoai tây ở mức 0,05 ppm, vì mức cho phép đó đã hết hạn vào ngày 28 tháng 1 năm 2021. |
| 4 | G/SPS/N/RUS/263 | Liên bang Nga | 18/4/2023 | Dự thảo Quyết định của Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi quy định các yêu cầu chung về thú y (vệ sinh và thú y) đối với hàng hóa chịu sự kiểm soát thú y (giám sát) và dự thảo quyết định của Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi các hình thức giấy chứng nhận thú y thông thường để nhập khẩu vào lãnh thổ hải quan của liên minh kinh tế Á-Âu đối với hàng hóa được kiểm soát từ các nước thứ ba | Dự thảo cập nhật các yêu cầu thú y của Liên minh Kinh tế Á-Âu liên quan đến xét nghiệm bệnh brucella trên phôi bò, điều kiện xuất khẩu ngựa sau các sự kiện thể thao, cũng như các chỉ tiêu an toàn đối với thức ăn có nguồn gốc thực vật. |
| 5 | G/SPS/N/NZL/716 | Niu Di-lân | 18/4/2023 | Đề xuất Sửa đổi (Mức dư lượng tối đa đối với các hợp chất nông nghiệp) | Tài liệu này bao gồm các chi tiết kỹ thuật về các đề xuất sửa đổi được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm 2014 liệt kê các mức dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với các hợp chất nông nghiệp ở Niu Di-lân.Bộ các ngành công nghiệp cơ bản đề xuất những nội dung sửa đổi đối với Thông báo như sau:a. Các mục mức dư lượng tồn dư mới cho các hợp chất và hàng hóa sau:− Flumetsulam: 0,01(\*) mg/kg trong hạt ngũ cốc, 0,1 mg/kg trong trứng, 0,01 mg/kg trong thịt động vật có vú, 0,1 mg/kg trong nội tạng động vật có vú, 0,01 mg/kg trong sữa, 0,1 mg/kg trong gia cầm thịt và 0,1 mg/kg trong nội tạng gia cầm.− Thiencarbazone-methyl: 0,01 mg/kg đối với thịt, mỡ động vật có vú, nội tạng động vật có vú và sữa.b. Việc sửa đổi các mục mức dư lượng tồn dư hiện có cho các hợp chất và hàng hóa sau:− Foramsulfuron: 0,01 mg/kg trong thịt động vật có vú, mỡ động vật có vú, nội tạng động vật có vú và sữa, đồng thời xóa mức dư lượng tồn dư đối với ngô.− Mefentrifluconazole: 0,07 mg/kg đối với nho và 0,15 mg/kg đối với quả bưởi.− Spinetoram: 0,01(\*) mg/kg đối với ngô, 0,02 mg/kg trong sữa, 0,15 mg/kg trong chất béo sữa, 0,01(\*) mg/kg trong thịt, nội tạng và trứng gia cầm, và 0,01(\*) mg /kg ngô ngọt; sửa đổi mô tả chất béo của động vật có vú để loại trừ chất béo sữa và tăng mức dư lượng tồn dư lên 0,5 mg/kg; và để kết hợp mức dư lượng tồn dư của thận và gan của động vật có vú thành một mức dư lượng tồn dư nội tạng của động vật có vú duy nhất là 0,03 mg/kg. − Tetraniliprole: 0,3 mg/kg đối với quả hạch.(\*) chỉ ra rằng mức dư lượng tối đa đã được đặt ở hoặc gần giới hạn định lượng phân tích.c. Bổ sung bốn mục mới trong Bảng 3 đối với thuốc thú y không áp dụng mức dư lượng tối đa: − Dầu hồi, tinh dầu bạc hà và tinh dầu xá xị, khi được sử dụng làm thuốc bôi ngoài da cho ngựa. − Luteinising hormone (LH), khi được sử dụng để quản lý sinh sản ở động vật nhai lại. |
| 6 | G/SPS/N/KOR/778 | Hàn Quốc | 18/4/2023 | Đề xuất sửa đổi “Tiêu chuẩn và quy cách đối với thực phẩm chức năng tốt cho sức khỏe”. | Các sửa đổi được đề xuất:1. Xóa phương pháp sản xuất protein2. Sửa đổi tên khoa học dịch chiết *Phellinus linteus* (*Phillinus linteus → Sanghuangporus sanghuang*)3. Bổ sung phương pháp kiểm nghiệm chất chiết xuất từ quả cọ lùn (Saw palmetto) |
| 7 | G/SPS/N/JPN/1196 | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau: Thuốc thú y/Phụ gia thức ăn chăn nuôi: Amprolium. |
| 8 | G/SPS/N/JPN/1195 | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:Thuốc thú y: Dicloxacillin. |
| 9 | G/SPS/N/JPN/1194 | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:Thuốc thú y: Cefuroxime. |
| 10 | G/SPS/N/JPN/1193 | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:Thuốc thú y: Simeconazole. |
| 11 | G/SPS/N/JPN/1192 | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:Thuốc thú y: Metaldehyde. |
| 12 | G/SPS/N/JPN/1191 | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:Thuốc thú y: Mefentrifluconazole. |
| 13 | G/SPS/N/JPN/1190 | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:Thuốc thú y: Flupyradifurone. |
| 14 | G/SPS/N/JPN/1189 | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:Thuốc thú y: Flumioxazin. |
| 15 | G/SPS/N/JPN/1188 | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:Thuốc thú y: Amisulbrom. |
| 16 | G/SPS/N/JPN/1187 | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau:Thuốc thú y: Ametoctradin. |
| 17 | G/SPS/N/JPN/1099/Rev.1 | Nhật Bản | 13/4/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp) | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) đối với nông dược sau: Thuốc trừ sâu: Glufosinate. Nhật Bản đã nhận được một số ý kiến về thông báo G/SPS/N/JPN/1099 được ban hành vào ngày 7 tháng 9 năm 2022. Ngoài ra, đã có một áp dụng mới cho một số mặt hàng. MHLW đã quyết định sửa đổi dự thảo giới hạn dư lượng tối đa (mức dư lượng tồn dư) cho glufosinate dựa trên dữ liệu được cung cấp và áp dụng mới. |
| 18 | G/SPS/N/GBR/31 | Vương quốc Anh | 13/4/2023 | Mức giới hạn dư lượng tối đa mới hoặc tăng thêm đối với triclopyr, sửa đổi theo luật của GB đối với mức dư lượng tối đa cho phép. | Triclopyr là một hoạt chất đã được phê duyệt ở Vương quốc Anh. Ngành hoạt động vì sức khỏe và sự an toàn của người lao động đã nhận được đơn yêu cầu đặt mức dư lượng tồn dư mới cho các sản phẩm khác nhau có nguồn gốc từ động vật.Mức dư lượng phát sinh trong thức ăn chăn nuôi từ dẫn đến dư lượng trong các sản phẩm có nguồn gốc động vật làm tăng mức độ phơi nhiễm của người tiêu dùng dưới các giá trị tham chiếu độc tính.Báo cáo đánh giá/ý kiến hợp lý hỗ trợ các mức dư lượng tồn dư mới và nâng cao hiện có tại liên kết sau:[The evaluation of new MRLs for triclopyr in various products of animal origin (hse.gov.uk)](https://www.hse.gov.uk/pesticides/mrls/new-mrls/mrln-aajh-0443.pdf) |
| 19 | G/SPS/N/USA/3368/Add.1 | Hoa Kỳ | 11/4/2023 | Đơn kiến nghị phụ gia màu từ trung tâm khoa học vì lợi ích công cộng,v.v…; Yêu cầu thu hồi Danh sách phụ gia màu sử dụng thuốc nhuộm màu đỏ số 3 (FD&C Red No.3) trong thực phẩm và thuốc uống; Gia hạn thời gian góp ý | Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) của Hoa Kỳ gia hạn thời gian góp đối với đơn kiến nghị phụ gia màu mà FDA đã công bố vào sổ đăng ký Liên bang ngày 17 tháng 2 năm 2023.Trong thông báo, FDA đã yêu cầu góp ý về đơn kiến nghị phụ gia màu do Trung tâm khoa học vì lợi ích công cộng, v.v… đệ trình, đề xuất rằng FDA bãi bỏ các quy định về phụ gia màu cung cấp cho việc sử dụng FD&C Red No. 3 trong thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm bổ sung) và trong các loại thuốc uống. Hoa Kỳ cho phép những người quan tâm có thêm thời gian để gửi kiến nghị qua:<https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2023-03-30/pdf/2023-06579.pdf><https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/USA/23_8838_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Sửa đổi ngày cuối cùng cho ý kiến |
| 20 | G/SPS/N/KOR/777 | Hàn Quốc | 11/4/2023 | Đề xuất sửa đổi “Luật đặc biệt về kiểm soát an toàn thực phẩm nhập khẩu". | Bảng 10 đính kèm (Tiêu chí phân loại thực phẩm nhập khẩu, v.v.) của Quy tắc thực thi Đạo luật đặc biệt sẽ được sửa đổi để loại bỏ “tên sản phẩm” khỏi đoạn 4 (sản phẩm cùng loại của một công ty). Hiện tại, khi một số sản phẩm tương tự của cùng một công ty bị phát hiện là không tuân thủ dựa trên kết quả kiểm tra trong phòng thí nghiệm, việc nhập khẩu các sản phẩm đó sắp tới sẽ bị từ chối tại biên giới. Tuy nhiên, sửa đổi này, các sản phẩm thực phẩm chế biến hoặc sản phẩm gia súc chế biến giống nhau từ cùng một công ty được sản xuất vào cùng ngày cũng phải có cùng tên sản phẩm với những sản phẩm không tuân thủ đó để chúng được xác định là không tuân thủ. |
| 21 | G/SPS/N/CAN/1497 | Canada | 11/4/2023 | Thông báo sửa đổi danh sách các loại enzyme thực phẩm được phép sử dụng để cho phép sử dụng *Beta-amylase* từ nấm linh chi AE-BAF trong các loại bánh làm từ gạo nếp | Tổng cục thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối phụ gia thực phẩm, hồ sơ xin phép sử dụng Beta-amylase (β-amylase) từ *Bacillus flexus* AE-BAF trong bánh mochi và bánh dango, là những loại bánh gạo nếp. Mức sử dụng tối đa được yêu cầu đối với enzyme thực phẩm này là Thực hành sản xuất tốt.Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường chứng minh sự an toàn của β-amylase từ *B. flexus* AE-BAF đối với mục đích sử dụng được yêu cầu. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng β-amylase từ nguồn này như được mô tả trong tài liệu thông tin bằng cách sửa đổi Danh sách các Enzyme thực phẩm được phép, có hiệu lực từ ngày 28 tháng 3 năm 2023.Mục đích của tài liệu thông tin là thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ phù hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này |
| 22 | G/SPS/N/ARM/47 | Armenia | 11/4/2023 | Dự thảo của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về quy tắc điều chỉnh lưu thông các sản phẩm khử trùng, diệt côn trùng và thuốc diệt muỗi dùng trong thú y trong lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu | Dự thảo quy định Quy tắc điều chỉnh việc lưu hành các sản phẩm khử trùng, diệt côn trùng và diệt muỗi dùng trong thú y không tiếp xúc trực tiếp với động vật (được sử dụng trong ống nghiệm trong thú y) trong lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu |
| 23 | G/SPS/N/ARM/45 | Armenia | 11/4/2023 | Dự thảo của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Quyết định số 1 ngày 21 tháng 01 năm 2022. | Dự thảo quy định đảm bảo chuyển đổi theo từng giai đoạn sang việc thực hiện các yêu cầu ghi nhãn sản phẩm thuốc dùng cho người và sản phẩm thuốc thú y, được phê duyệt theo Quyết định số 76 của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu ngày 3 tháng 11 năm 2016, Quy tắc thực hành sản xuất tốt của Liên minh Kinh tế Á-Âu, được phê duyệt bởi Quyết định số 77 ngày 3 tháng 11 năm 2016 bằng cách thiết lập các giai đoạn chuyển tiếp cho các đối tượng lưu hành thuốc thú y |
| 24 | G/SPS/N/TPKM/612 | Đài Loan | 06/4/2023 | Những loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ ăn uống, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm được phân loại theo 49 mã CCC cụ thể | Hàng hóa được phân loại theo 49 mã CCC cụ thể sẽ tuân theo "Quy định kiểm tra thực phẩm nhập khẩu và các sản phẩm liên quan" nếu chúng được sử dụng cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, dụng cụ ăn uống, hộp đựng hoặc bao bì thực phẩm. Các nhà nhập khẩu sẽ nộp đơn xin kiểm tra cho Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Y tế và Phúc lợi Đài Loan, Trung Quốc |
| 25 | G/SPS/N/USA/3376 | Hoa Kỳ | 05/4/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu trinexapac-ethyl. Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập các mức dung sai đối với dư lượng trinexapacethyl trong hoặc trên nhiều mặt hàng:

|  |  |
| --- | --- |
| Mặt hàng | Mức ppm |
| Cỏ ba lá - thức ăn thô xanh cho nông sản thô | 8 |
| Cỏ ba lá - cỏ khô | 15 |
| Thịt và mỡ gia súc | 0,03 |
| Phụ phẩm gia súc - thịt | 0,1 |
| Trứng | 0,01 |
| Thịt và mỡ dê | 0,03 |
| Phụ phẩm thịt dê | 0,1 |
| Phụ phẩm thịt lợn | 0,1 |
| Sữa | 0,01 |
| Thịt ngựa | 0,03 |
| Thịt và mỡ gia cầm | 0,01 |
| Phụ phẩm thịt gia cầm | 0,1 |
| Thịt và mỡ cừu | 0,03 |
| Phụ phẩm thịt cừu | 0,1 |

 |
| 26 | G/SPS/N/USA/3375 | Hoa Kỳ | 05/4/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu fludioxonil. Quy tắc cuối cùng | Quy định này sửa đổi các dung sai hiện có đối với dư lượng fludioxonil trong hoặc trên xoài và đu đủ: lần lượt là 8 ppm và 5 ppm |
| 27 | G/SPS/N/USA/3374 | Hoa Kỳ | 03/4/2023 | Đơn kiện về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. Thông báo nộp đơn kến nghị và yêu cầu góp ý | Tài liệu này thông báo về việc cơ quan đã nhận được một số hồ sơ ban đầu về kiến nghị thuốc trừ sâu yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau, cụ thể trong đường link:<https://www.govinfo.gov/content/pkg/FR-2023-03-24/html/2023-06112.htm> |
| 28 | G/SPS/N/EU/629 | Liên minh châu Âu | 24/3/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 1333/2008 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu liên quan đến việc sử dụng polyglycerol polyricinoleate (E 476) và Phụ lục của Quy định Ủy ban (EU) số 231/2012 liên quan đến thông số kỹ thuật đối với glycerol (E 422), este polyglycerol của axit béo (E 475) và polyglycerol polyricinoleate (E 476) | Văn bản sửa đổi các thông số kỹ thuật của EU về phụ gia thực phẩm được phép glycerol (E 422), este polyglycerol của axit béo (E 475) và polyglycerol polyricinoleate (E 476) và cho phép mở rộng sử dụng polyglycerol polyricinoleate (E 476) dựa trên các ý kiến khoa học gần đây từ Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (EFS). Đối với glycerol (E 422), các thông số kỹ thuật hiện tại được điều chỉnh bằng cách giảm giới hạn tối đa đối với các nguyên tố độc hại (asen, chì, thủy ngân và cadmium), xóa phương pháp nhận dạng dựa trên sự hình thành acrolein trong quá trình gia nhiệt, xóa xét nghiệm về sự có mặt của acrolein, đưa vào giới hạn tối đa cho acrolein và sửa đổi định nghĩa về glycerol (E 422). Đối với este polyglycerol của axit béo (E 475), các thông số kỹ thuật hiện hành được điều chỉnh bằng cách giảm các giới hạn tối đa đối với các nguyên tố độc hại, đưa vào các giới hạn tối đa đối với tổng 3-monochloropropanediol (3-MCPD) và este của axit béo 3-MCPD (được biểu thị bằng 3-MCPD), este của axit béo glycidyl (được biểu thị bằng glycidol) và axit erucic và sửa đổi định nghĩa về este polyglycerol của axit béo (E 475). Đối với polyglycerol polyricinoleate (E 476), các thông số kỹ thuật hiện hành được điều chỉnh bằng cách giảm các giới hạn tối đa đối với các nguyên tố độc hại, đưa vào các giới hạn tối đa đối với tổng 3-monochloropropanediol (3-MCPD) và este của axit béo 3-MCPD (được biểu thị là 3-MCPD) và este của axit béo glycidyl (được biểu thị là glycidol) và sửa đổi định nghĩa của polyglycerol polyricinoleate (E 476).Văn bản cũng cho phép sử dụng polyglycerol polyricinolate (E 476) trong danh mục thực phẩm 03 'Đá ăn được' ở mức tối đa là 4.000 mg/kg và trong danh mục thực phẩm 12.6 'Nước sốt' ở mức tăng tối đa là 8.000 mg/kg đối với nước sốt dạng nhũ tương có hàm lượng chất béo từ 20% trở lên.Để cho phép quá trình chuyển đổi suôn sẻ, văn bản quy định việc sử dụng phụ gia thực phẩm glycerol (E 422), este polyglycerol của axit béo (E 475) và polyglycerol polyricinolate (E 476) được đưa ra thị trường một cách hợp pháp trước ngày Quy định này có hiệu lực được cho phép trong thời gian chuyển tiếp 6 tháng. Thực phẩm có chứa các chất phụ gia thực phẩm như vậy có thể tiếp tục được đưa ra thị trường trong cùng thời kỳ chuyển tiếp và có thể tiếp tục được bán trên thị trường cho đến ngày chúng hết hạn sử dụng hoặc 'hạn sử dụng'. Phụ gia thực phẩm este polyglycerol của axit béo (E 475) được đưa ra thị trường hợp pháp sau ngày Quy định này có hiệu lực và tuân thủ mức tối đa trung gian đã giảm đối với este của axit béo glycidyl (được biểu thị bằng glycidol) được phép sử dụng cho đến khi không còn sản phẩm trên thị trường và thực phẩm có chứa chất phụ gia thực phẩm đó nên được phép đưa ra thị trường và duy trì trên thị trường cho đến ngày hạn sử dụng tối thiểu hoặc 'hết hạn sử dụng' |
| 29 | G/SPS/N/AUS/563 | Úc | 24/3/2023 | Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn thực phẩm Úc Niu Di-lân sửa đổi (21 tháng 3 năm 2023) | Đề xuất này sửa đổi Bộ luật Tiêu chuẩn Thực phẩm của Úc, Niu Di-lân để điều chỉnh các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) sau đây đối với các hóa chất nông nghiệp và thú y khác nhau để chúng phù hợp với các quy định quốc gia khác liên quan đến việc sử dụng an toàn và hiệu quả các hóa chất nông nghiệp và thú y:* Dodine, fipronil, fluopicolide, indaziflam, inpyrfluxam, ipflufenoquin, mandestrobin, mesotrione, metrafenone, propamocarb, proquinazid, prosulfocarb, pyraclostrobin, sethoxydim và tetraniliprole trong các mặt hàng thực vật cụ thể;

− Fluralaner, indaziflam, inpyrfluxam và ipflufenoquin trong các mặt hàng động vật cụ thể |
| 30 | G/SPS/N/USA/3372 | Hoa Kỳ | 24/3/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu azoxystrobin. Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng azoxystrobin trong hoặc trên xoài, đu đủ và cọ dầu |
| 31 | G/SPS/N/EU/627 | Liên minh châu Âu | 22/3/2023 | Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban liên quan đến việc không gia hạn phê duyệt hoạt chất dimoxystrobin, theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu, và sửa đổi Quy định thực thi của Ủy ban (EU) số 540/2011 và (EU) 2015/408  | Dự thảo quy định thực thi về việc phê duyệt hoạt chất dimoxystrobin không được gia hạn theo Quy định (EC) số 1107/2009. Các quốc gia thành viên EU sẽ rút giấy phép đối với các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất dimoxystrobin. Việc không gia hạn phê duyệt dựa trên đánh giá đầu tiên về chất được sử dụng làm hoạt chất trừ sâu ở Liên minh Châu Âu theo Quy định (EC) số 1107/2009. Chất này trước đây đã được đánh giá và phê duyệt theo Chỉ thị 91/414/EEC.Quyết định này chỉ liên quan đến việc đưa ra thị trường chất này và các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa chất này. Sau khi không được phê duyệt và hết thời gian ân hạn đối với sản phẩm có chứa chất này, sẽ có một quy định riêng biệt đối với MRL và một thông báo riêng theo quy trình SPS.Dự thảo Quy chế thực thi của Ủy ban này cũng đã được thông báo theo Hiệp định TBT trong thông báo G/TBT/N/EU/961 |
| 32 | G/SPS/N/CAN/1495 | Canada | 21/3/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Prothioconazole (PMRL2023-20) | Tài liệu thông báo PMRL2023-20 là tham khảo về các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với prothioconazole được đề xuất bởi Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến |
| 0,9 | Đậu bóc vỏ khô, trừ đậu tương (phân nhóm cây trồng 6-21E); đậu Hà Lan khô nguyên vỏ (nhóm cây trồng 6-21F)2 |
|  |

1 ppm = phần triệu2 MRL hiện được thiết lập là 0,9 ppm cho nhóm cây trồng 6C, ngoại trừ đậu tương sẽ được mở rộng để bao gồm tất cả các mặt hàng trong nhóm cây trồng 6-21E (đậu khô còn vỏ, trừ đậu tương) và nhóm cây trồng 6-21F (đậu khô còn vỏ) |
| 33 | G/SPS/N/CAN/1494 | Canada | 21/3/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Mefentrifluconazole (PMRL2023-19). | Tài liệu thông báo PMRL2023-19 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với mefentrifluconazole được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến |
| 0,15 | Rau họ đậu (nhóm cây trồng 6-21), trừ đậu lăng khô và đậu tương khô2 |

1 ppm = phần triệu2 MRL hiện được thiết lập là 0,15 ppm cho nhóm cây trồng nhóm 6 (ngoại trừ đậu lăng khô và đậu tương khô) sẽ được mở rộng để bao gồm tất cả các mặt hàng trong nhóm cây trồng 6-21 (ngoại trừ đậu lăng khô và đậu tương khô). Các MRL đã được thiết lập cho đậu lăng khô và đậu tương khô ở mức tương ứng là 2,0 ppm và 0,4 ppm sẽ không thay đổi do hành động PMRL này |
| 34 | G/SPS/N/BRA/2144 | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1150, ngày 10 tháng 3 năm 2023. | Dự thảo đề xuất đưa đậu tương có MRL là 0,05 mg/kg và thời hạn bảo đảm an toàn là 58 ngày, ở phương thức sử dụng (bón) trong đất; "Định nghĩa về dư lượng để tuân thủ MRL và đánh giá rủi ro trong chế độ ăn uống: metaldehyde (Anvisa, 2023)", bảng phân loại độc tính và các thông số tham chiếu độc tính, trong chuyên khảo của hoạt chất M09 – metaldehyde vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất của thuốc trừ sâu, chất khử trùng và chất bảo quản gỗ, được công bố thông qua hướng dẫn quy phạm - IN số 103, ngày 19 tháng 10 năm 2021 |
| 35 | G/SPS/N/BRA/2143 | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1149, ngày 10 tháng 3 năm 2023. | Dự thảo Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung các hoạt chất C36 – cyproconazole, c63 – lambdacyyolthrine, d21 – diquate, d59 – dimpropyridaz, f40 – formetanate, f66 – flubendiamide, m26.1 - methyl metsulfurom, p34 - pyriproxifem, t24 - trifluralin và t34 – triflumurom vào danh sách chuyên khảo hoạt chất của thuốc trừ sâu, chất khử trùng làm vệ sinh và chất bảo quản gỗ, được công bố thông qua hướng dẫn quy phạm - IN số 103, ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União) |

1. **Danh sách các văn bản quy định về SPS có hiệu lực hoặc thông qua**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Quốc gia/Khu vực** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt nội dung** |
| 1 | G/SPS/N/TUR/65/Add.2 | Thổ Nhĩ Kỳ | 18/4/2023 | Thổ Nhĩ Kỳ sửa đổi quy định về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các hoạt chất dược lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật | ''Quy định của bộ luật thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các chất có hoạt tính dược lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật'' đã được thông báo qua G/SPS/N/TUR/65/Add.1 vào ngày 23/01/2017.''Quy định Codex về thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ sửa đổi về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các chất có hoạt tính dược lý trong thực phẩm có nguồn gốc động vật'' đã được thông báo qua G/SPS/N/TUR/103 vào ngày 09/11/2018.Một sửa đổi đã được đề xuất thông qua ''Quy định về Codex thực phẩm của Thổ Nhĩ Kỳ sửa đổi quy định về phân loại và giới hạn dư lượng tối đa của các chất có hoạt tính dược lý trong thực phẩm có nguồn gốc từ động vật''.Các thay đổi đã được thực hiện liên quan đến điều kiện sử dụng và giới hạn dư lượng tối đa của hoạt chất bambermycin và imidacloprid.Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày 31 tháng 7 năm 2023. |
| 2 | G/SPS/N/SGP/80/Add.1 | Singapore | 18/4/2023 | Dự thảo quy định về thực phẩm (Sửa đổi số Y) 2022 | Dự thảo Quy định thực phẩm (Sửa đổi số Y) 2022 (liên quan đến mức dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm) được thông báo trong G/SPS/N/SGP/80 đã được công bố là Quy định thực phẩm (Sửa đổi) 2023 vào ngày 17 tháng 4 năm 2023 và sẽ có hiệu lực vào 28 tháng 4 năm 2023. |
| 3 | G/SPS/N/USA/3169/Add.2 | Hoa Kỳ | 11/4/2023 | Danh sách các chất phụ gia màu được miễn chứng nhận; Chiết xuất tảo xoắn; Xác nhận ngày có hiệu lực | Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA) của Hoa Kỳ đang xác nhận ngày có hiệu lực là ngày 13 tháng 12 năm 2022 cho quy tắc cuối cùng xuất hiện trong sổ đăng ký Liên bang ngày 10 tháng 11 năm 2022 sửa đổi các quy định về phụ gia tạo màu để cung cấp việc sử dụng an toàn chiết xuất tảo xoắn (*Arthrospira platensis*) làm phụ gia tạo màu trong đồ uống có cồn với hàm lượng cồn dưới 20%, đồ uống không cồn, gia vị và nước sốt, nước chấm, sản phẩm thay thế từ sữa (được xác định là sản phẩm thay thế sữa chua không sữa, món tráng miệng đông lạnh không sữa và bánh pudding không sữa), nước sốt salad và hỗn hợp gia vị (không đun nóng).Ngày có hiệu lực của quy tắc cuối cùng được công bố trong sổ đăng ký Liên bang ngày 10 tháng 11 năm 2022 (87 FR 67785) được xác nhận là ngày 13 tháng 12 năm 2022.<https://www.federalregister.gov/d/2023-05361><https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/USA/23_8839_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 4 | G/SPS/N/TPKM/598/Add.1 | Đài Loan | 31/3/2023 | Dự thảo Tiêu chuẩn vệ sinh đối với phẩm màu tự nhiên ăn được | Dự thảo Tiêu chuẩn vệ sinh đối với chất tạo màu tự nhiên ăn được, ngày 12 tháng 10 năm 2022 (G/SPS/N/TPKM/598), hiện đã được hoàn thiện. Phiên bản cuối cùng của Tiêu chuẩn đã có hiệu lực vào ngày 29 tháng 3 năm 2023. <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TPKM/23_8521_00_x.pdf><https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/TPKM/23_8521_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 5 | G/SPS/N/JPN/1103/Add.1 | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho Fenpyrazamine được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1103 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL được chỉ định có sẵn như sau:<https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8672_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 6 | G/SPS/N/JPN/1102/Add.1 | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Flonicamid được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1102 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL cụ thể có sẵn như sau:<https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8670_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 7 | G/SPS/N/JPN/1101/Add.1 | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Trifloxystrobin được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1101 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL cụ thể như sau:<https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8668_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 8 | G/SPS/N/JPN/1100/Add.1 | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Penthiopyrad được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1100 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL cụ thể như sau:<https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8664_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 9 | G/SPS/N/JPN/1097/Add.1 | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Fenarimol được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1097 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL được chỉ định như sau:<https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8621_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 10 | G/SPS/N/JPN/1098/Add.1 | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) cho Fluxametamide được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1098 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) được thông qua và công bố ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL được chỉ định như sau:<https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8657_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 11 | G/SPS/N/JPN/1096/Add.1 | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được đề xuất cho Acynonapyr được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1096 (ngày 7 tháng 9 năm 2022) đã được thông qua và công bố vào ngày 14 tháng 2 năm 2023. Các MRL cụ thể như sau:<https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8597_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 12 | G/SPS/N/JPN/854/Add.1 | Nhật Bản | 31/3/2023 | Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật vệ sinh thực phẩm (Sửa đổi tiêu chuẩn dư lượng hóa chất nông nghiệp, quy tắc cuối cùng) | Việc xóa bỏ quy định về việc cấm sử dụng chất phụ gia trong vật chứa hoặc bao bì đối với sữa và sản phẩm sữa được thông báo trong G/SPS/N/JPN/854 (ngày 9 tháng 6 năm 2021) đã được thông qua và công bố vào ngày 30 tháng 7 năm 2021.<https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8681_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 13 | G/SPS/N/JPN/685/Add.1 | Nhật Bản | 31/3/2023 | Sửa đổi một phần thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (Thông báo của Bộ Y tế và Phúc lợi số 370 năm 1959) và Sắc lệnh cấp Bộ về sữa và sản phẩm sữa liên quan đến tiêu chuẩn thành phần, v.v. (Lệnh của Bộ Y tế và Phúc lợi số 52 năm 1951) (quy tắc cuối cùng) | Số lượng do Bộ trưởng Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi quy định là không có khả năng gây hại cho sức khỏe con người đối với nguyên liệu thô được sử dụng cho thiết bị, hộp đựng và bao bì thực phẩm được thông báo trong G/SPS/N/JPN/685 (ngày 10 tháng 10 năm 2019) được công bố vào ngày 28 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 6 năm 2020. Chi tiết như sau:<https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8676_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 14 | G/SPS/N/JPN/681/Add.1 | Nhật Bản | 31/3/2023 | Sửa đổi các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn cho thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. (Thông báo công khai của Bộ Y tế và Phúc lợi số 370, 1959) (quy tắc cuối cùng) | Việc sửa đổi Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn cho Thực phẩm, Phụ gia Thực phẩm, v.v. được thông báo trong G/SPS/N/JPN/681 (ngày 12 tháng 8 năm 2019) được công bố vào ngày 28 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực vào ngày 1 tháng 6 năm 2020.Đề cương sửa đổi có sẵn như sau: <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/JPN/23_8671_00_e.pdf>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 15 | G/SPS/N/CAN/1469/Add.1 | Canada | 28/3/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được thiết lập: Ipflufenoquin | Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) đối với ipflufenoquin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1469 (ngày 5 tháng 1 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 23 tháng 3 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp ngay bên dưới:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến |
| 0,15 | Quả lựu (nhóm cây trồng 11-09) |
| 0,01 | Hạt hạnh nhân |
| 1 ppm = phần triệu |

 |
| 16 | G/SPS/N/CAN/1463/Add.1 | Canada | 27/3/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được thiết lập: Florylpicoxamid | Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) đối với florylpicoxamid được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1463 (ngày 7 tháng 11 năm 2022) đã được thông qua vào ngày 20 tháng 3 năm 2023.Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp ngay bên dưới:

|  |  |
| --- | --- |
| MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến |
| 0,02 | Trứng; mỡ, thịt và phụ phẩm thịt của gia súc, dê, ngựa, lợn, gia cầm và cừu; sữa |
| 0,015 | Hạt cải dầu (phân nhóm cây trồng 20A) (sửa đổi) |
| 0,01 | Đậu khô có vỏ, trừ đậu tương (phân nhóm cây trồng 6-21E); đậu khô bóc vỏ (nhóm cây trồng 6-21F); lúa mì (phân nhóm cây trồng 15-21A); củ cải đường |
| 1 ppm = phần triệu |

 |
| 17 | G/SPS/N/BRA/2128/Add.1 | Bra-xin | 23/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1133, ngày 15 tháng 12 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1133, ngày 15 tháng 12 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2128 - được coi là đề xuất đưa hoạt chất A02 - acephate, a41 - amicarbazone, c25.1 - cartap hydrochloride, bây giờ là mã c25; c63 - lambda-cyhalothrin, c81 - cyclaniliprole, d25 - diurom, f24 - fenpropimorph, f55 - fenamidone, g05 - glufosinate, i30 - impirfluxam, m52 - mefentrifuconazole, o21 - oxathiapiproline, p52 - pymetrozine, p69 - pinoxadem và t54 - trifloxystrobin vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi dướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm hướng dẫn quy chuẩn số 219, ngày 20 tháng 3 năm 2023.Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:<http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6528917/IN_219_2023_.pdf/ee45a1b7-4e14-4d93-b155-a6419c16bb45>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 18 | G/SPS/N/BRA/2125/Add.1 | Bra-xin | 23/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1132, ngày 15 tháng 12 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1132, ngày 15 tháng 12 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2125 - được coi là đề xuất đưa hoạt chất B61: Baculovirus spodoptera littoralis vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi hướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm hướng dẫn quy chuẩn số 218, ngày 20 tháng 3 năm 2023.Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:<http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6528895/IN_218_2023_.pdf/8767f3f4-6d60-4c36-80d9-e96fbdbbef6f>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 19 | G/SPS/N/BRA/2120/Add.1 | Bra-xin | 23/3/2023 |  Dự thảo Nghị quyết số 1125, ngày 23 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1125, ngày 23 tháng 11 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2120 - được coi là đề xuất đưa hoạt chất S22: Swinglea glutinosa vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi hướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua làm hướng dẫn quy chuẩn số 217, ngày 20 tháng 3 năm 2023.Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:<http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6520237/IN_217_2023_.pdf/9410052c-5d84-408e-bd24-a560c5fc4cca>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 20 | G/SPS/N/BRA/2119/Add.1 | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1126, ngày 23 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết RDC số 1126, ngày 23 tháng 11 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2119 - đề xuất đưa hoạt chất B60: Bacillus paralicheniformis vào danh mục hoạt chất chuyên khảo đối với thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được thông qua bởi Chỉ thị Quy phạm số số 212, ngày 1 tháng 3 năm 2023. Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:<http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6520266/IN_212_2023_.pdf/cf26da18-efd8-44af-9f6e-e193194f0680>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 21 | G/SPS/N/BRA/2118/Add.1 | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1127, ngày 23 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết RDC số 1127, ngày 23 tháng 11 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2118 - đề xuất đưa hoạt chất S23: steinernema feeliae vào danh sách thành phần hoạt tính chuyên khảo đối với thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Chỉ thị Quy phạm số số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua bơi hướng dẫn Quy chuẩn số 213, ngày 1 tháng 3 năm 2023.Văn bản cuối cùng chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại:<http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6520266/IN_213_2023_.pdf/6b45e9c7-8d1f-4503-ba6a-204fff70b9de>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 22 | G/SPS/N/BRA/2117/Add.1 | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1128, ngày 23 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1128, ngày 23 tháng 11 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2117- đề xuất đưa hoạt chất F74: Phenpropidin vào danh mục hoạt chất chuyên khảo đối với thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Chỉ thị Quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua bởi hướng dẫn Quy chuẩn số 216, ngày 3 tháng 3 năm 2023.Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6520341/IN_216_2023_.pdf/e2f6d634-f93e-422e-b945-8240af140a9c>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 23 | G/SPS/N/BRA/2116/Add.1 | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1131, ngày 24 tháng 11 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết số 1131, ngày 24 tháng 11 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2116 - đề xuất đưa vào các hoạt chất A29 - acetamiprid, a68 - aminocyclopirachlor, b26 - bifentrine, b29 - buprofezine, b54 - bixafem, b55 - emamectin benzoate, c10 - cypermethrin, c40 - chlorfenapir, c63 - lambda-cyalothrine, c70 - chloranthraniliprole, d06 - deltametrin, d36 - difenoconazol, d41 - diafentiurom, f36 - flutriafol, l05 - lufenuromation, m01 - m2 - mefentrifuconazol, o21 - oxatiapiproline, p13 - profenofós, và s19 - sulfoxaflor vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, chất khử trùng vệ sinh và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua bởi Hướng dẫn Quy chuẩn số 215, ngày 2 tháng 3 năm 2023.Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6520401/IN_215_2023_.pdf/e95d83c1-7c11-46d0-b8a8-9171331910e1>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 24 | G/SPS/N/BRA/2092/Add.1 | Bra-xin | 21/3/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1122, ngày 27 tháng 10 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết RDC số 1122, ngày 27 tháng 10 năm 2022 - đã được thông báo thông qua G/SPS/N/BRA/2092 - đề xuất đưa vào các hoạt chất A18 – abamectin, c02 – captana, c40 – chlorfenapir, c63 - lambda- cylothrin, c70 – chlorantraniliprole, c74 – cyantraniliprole, d27 –2.4–d, d41 – diafentiurom, f37 – phenpyroximate, g05.1 – ammonium glufosinate, i10 – imazetapir, i13 – imidaclopride, l05 – lufenurom, m02 – mancozeetbe, m1 – , p50 – picoxystrobin, p53 – prothioconazole vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, chất khử trùng và chất bảo quản gỗ, được công bố bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), đã được thông qua bởi hướng dẫn Quy chuẩn số 214, ngày 1 tháng 3 năm 2022. Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6509356/IN_214_2023_.pdf/402a5c1e-4c2e-419b-af41-f04734c27a70>Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |

Chi tiết đăng tải các thông báo tại website: [www.spsvietnam.gov.vn](http://www.spsvietnam.gov.vn)